

LỆCH CHUẨN XÃ HỘI VÀ HÀNH VI THAM NHŨNG: TIẾP CẬN TỪ CÁC LÝ THUYẾT XÃ HỘI HỌC VÀ THỰC TIỄN Ở VIỆT NAM

PHÙNG THANH THẢO*

Tóm tắt: Tham nhũng là hành vi sai lệch chuẩn mực xã hội, không chỉ vi phạm pháp luật mà còn phản ánh sự lệch chuẩn trong hệ thống chuẩn mực xã hội như đạo đức, văn hóa và phong tục tập quán. Bài viết phân tích hành vi tham nhũng dưới góc nhìn của các lý thuyết xã hội học và thực tiễn công tác đấu tranh phòng chống tham nhũng và thu hồi tài sản tham nhũng ở Việt Nam. Tác giả vận dụng các khái niệm lý thuyết để lý giải thực trạng tham nhũng trong bối cảnh hiện tại, đặc biệt làm rõ mối quan hệ giữa cấu trúc xã hội, chuẩn mực văn hóa và cơ chế kiểm soát hành vi sai lệch. Trên cơ sở đó, bài viết trình bày một số kết quả nghiên cứu và đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả phòng, chống tham nhũng và thu hồi tài sản tham nhũng

Từ khóa: tham nhũng, hành vi lệch chuẩn, lý thuyết xã hội học, kiểm soát xã hội, xã hội học pháp luật.

Nhận bài: 24/10/2024

Gửi phản biện: 5/8/2025

Duyệt đăng: 16/10/2025

1. Đặt vấn đề

Tham nhũng là một hiện tượng xã hội mang tính toàn cầu, tồn tại trong mọi thể chế chính trị, trình độ phát triển và cấu trúc văn hóa khác nhau. Tuy nhiên, ở các quốc gia đang phát triển như Việt Nam, tham nhũng không chỉ làm suy giảm hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước mà còn phá vỡ niềm tin xã hội, cản trở sự phát triển bền vững và công bằng xã hội. Trong nhiều năm qua, Đảng và Nhà nước Việt Nam đã ban hành nhiều chủ trương, chính sách và văn bản pháp luật nhằm đấu tranh phòng, chống tham nhũng và thu hồi tài sản do hành vi tham nhũng gây ra. Mặc dù vậy, thực tiễn cho thấy tham nhũng vẫn diễn biến phức tạp, có biểu hiện ngày càng tinh vi, khó kiểm soát.

Theo Luật phòng chống tham nhũng (2018), tham nhũng là hành vi của người có chức vụ, quyền hạn đã lợi dụng chức vụ, quyền hạn đó vì vụ lợi. Người phạm tội tham nhũng kinh tế liên quan đến chức vụ là những người có quyền hạn, chức vụ, có trình độ học vấn, am hiểu pháp luật và nhiều mối quan hệ nên tài sản tham nhũng luôn tiềm ẩn nguy cơ cao bị tẩu tán, chuyển nhượng bất hợp pháp.

* Đại học Kiểm sát Hà Nội.

Từ góc độ xã hội học, tham nhũng không đơn thuần là hành vi vi phạm pháp luật mà còn là kết quả của hành vi sai lệch trong hệ thống chuẩn mực xã hội, của quá trình tái cấu trúc mối quan hệ giữa cá nhân với thiết chế và cộng đồng. Hành vi tham nhũng, xét về bản chất, là một dạng lệch chuẩn xã hội khi cá nhân hoặc nhóm người vi phạm các chuẩn mực được xã hội thừa nhận như chuẩn mực pháp luật, đạo đức, văn hóa hay phong tục tập quán. Việc phân tích tham nhũng dưới lăng kính xã hội học giúp mở rộng phạm vi tiếp cận, từ đó có thể lý giải sâu sắc hơn về động cơ, điều kiện, cơ chế hình thành và lan truyền hành vi tham nhũng trong môi trường xã hội cụ thể.

Trong khuôn khổ đó, bài viết này tiếp cận hành vi tham nhũng thông qua một số lý thuyết xã hội học tiêu biểu như Lý thuyết căng thẳng (Strain Theory), Lý thuyết Anomie (Vô chuẩn), Lý thuyết kiểm soát xã hội (Social Control Theory) và mô hình lan truyền hành vi lệch chuẩn. Việc vận dụng các lý thuyết này không chỉ nhằm giải thích bản chất xã hội của hành vi tham nhũng, mà còn góp phần đưa ra các đề xuất chính sách mang tính hệ thống và khả thi hơn trong phòng, chống tham nhũng tại Việt Nam.

2. Một số lý thuyết về sai lệch xã hội

Trong xã hội học, hành vi lệch chuẩn là hành vi vi phạm các chuẩn mực xã hội, vi phạm các quy tắc, luật lệ. Tuy nhiên, hành vi được đánh giá là lệch chuẩn hay không còn phụ thuộc vào nền văn hoá, thời gian, không gian, bởi một số hành vi được coi là lệch chuẩn ở nhóm xã hội này nhưng lại được chấp nhận và được coi là phù hợp ở nhóm xã hội khác, thời điểm khác. Việc lý giải hành vi lệch chuẩn từ góc độ nguyên nhân xã hội là một trong những hướng tiếp cận của xã hội học.

Durkheim (1893/1984) phân tích hai hình thức kết nối xã hội: cơ học (mechanical solidarity) và hữu cơ (organic solidarity). Trong xã hội truyền thống, các cá nhân gắn kết nhờ tính đồng nhất, luật lệ cứng nhắc và các hình phạt nặng để duy trì chuẩn mực chung. Khi xã hội hiện đại phát triển với phân công lao động rõ rệt, kết nối xã hội chuyển sang sự phụ thuộc lẫn nhau, đòi hỏi luật pháp phổ biến phục hồi (restitutive law) để duy trì sự điều tiết, đồng thời tránh trạng thái vô chuẩn (anomie) giữa hành vi cá nhân và chuẩn mực xã hội. Durkheim cho rằng sự mất cân bằng này có thể dẫn đến hành vi lệch chuẩn, như tham nhũng và tội phạm xã hội. Hành vi lệch chuẩn (như tham nhũng) phát sinh khi xã hội rơi vào trạng thái "vô chuẩn" - tức là các quy tắc đạo đức, chuẩn mực xã hội không còn đủ sức điều tiết hành vi cá nhân. Khi các cơ chế kiểm soát đạo đức và luật pháp kém hiệu quả, chuẩn mực chung bị suy yếu, dẫn đến trạng thái anomie - một điều kiện xã hội lý tưởng để hành vi tham nhũng phát sinh và lan truyền.

Anthony Giddens (1972) đã tuyển chọn và giới thiệu các đoạn tiêu biểu trong toàn bộ tác phẩm của Durkheim, đi xuyên suốt quá trình phát triển lý thuyết của ông và làm rõ tác động của Durkheim đối với học thuyết xã hội hiện đại. Trong phần mở đầu, Giddens phân tích cách Durkheim hình thành quan niệm về anomie, sự phân công lao động và đạo đức xã hội, cũng như mối liên hệ giữa cấu trúc xã hội và hành vi cá nhân. Ông cũng chỉ ra cách Durkheim phản bác chủ nghĩa cá nhân cực đoan trong xã hội học, đặt ra nền tảng cho lý luận xã hội hiện đại về xã hội học pháp luật và trật tự xã hội. Nghiên cứu của Giddens cho thấy cách tiếp cận lý thuyết Durkheim đã trở thành nền tảng trong giải thích lệch chuẩn xã

hội: sự rạn nứt giữa cấu trúc xã hội và hành vi cá nhân, hình thành trạng thái nghi ngờ luật pháp, và dẫn đến mức độ chấp nhận cao hơn với hành vi tham nhũng.

Bảng 1. Vai trò lý thuyết của Durkheim (1893/1984) và Giddens (1972) trong lý giải hành vi lệch chuẩn

Khía cạnh	Durkheim (1893/1984)	Giddens (1972)
Nguồn gốc hành vi lệch chuẩn xã hội	<i>Anomie</i> - trạng thái vô chuẩn xảy ra khi quá trình phân công lao động trong xã hội hiện đại làm suy yếu các quy tắc và giá trị truyền thống, tạo điều kiện cho hành vi lệch chuẩn xuất hiện.	Góp phần phân tích tiến trình tư duy hình thành lý thuyết <i>Anomie</i> của Durkheim; lý giải hành vi lệch chuẩn thông qua cách các cấu trúc xã hội định hình hành vi cá nhân.
Kết cấu kiểm soát xã hội và chuẩn mực đạo đức	Nhấn mạnh vai trò của luật pháp phục hồi (restitutive law) trong xã hội hiện đại nhằm khôi phục trật tự xã hội thay vì trừng phạt; thiết chế pháp luật đóng vai trò quan trọng trong duy trì ổn định.	Nhấn mạnh sức mạnh của các cấu trúc chuẩn mực xã hội; chuẩn mực không chỉ kiểm soát hành vi cá nhân mà còn tạo ra kỳ vọng xã hội đối với hành vi đúng đắn.
Áp dụng vào phân tích hành vi tham nhũng ở Việt Nam	Lý giải hiện tượng thiếu vắng chuẩn mực đạo đức hành chính và khủng hoảng điều tiết xã hội trong một số lĩnh vực công; trạng thái “vô chuẩn” trong hệ thống thực thi chính sách tạo điều kiện cho tham nhũng nảy sinh.	Cung cấp nền tảng phân tích hành vi tham nhũng từ mối quan hệ giữa hành động cá nhân và cấu trúc xã hội; lý giải cách các chuẩn mực công vụ bị tái cấu trúc theo lợi ích nhóm trong môi trường công quyền.

Theo Nguyễn Đình Tấn (2017), sai lệch xã hội đối lập với chuẩn mực xã hội. Sai lệch xã hội là những hành vi vi phạm hoặc đi chệch khỏi các chuẩn mực xã hội. Sai lệch xã hội có nhiều hình thức khác nhau tùy thuộc vào từng nền văn hóa. Có thể có những hành vi được coi là sai lệch xã hội trong một nền văn hóa này, song lại được coi là bình thường trong một nền văn hóa khác. Theo Tony Bilton (1993), sai lệch là một hành vi xã hội, bởi vì nó bao hàm sự phản ứng của một số người chủ chốt đối với hành vi của những người khác đi kèm theo một loại trừng phạt nào đó, như phản đối, tẩy chay, cầm tù hay hành quyết. Dưới góc độ xã hội học, tham nhũng là hành vi sai lệch chuẩn mực xã hội, là những hành vi sai lệch giá trị văn hoá, đạo đức và thuần phong mỹ tục. Hành vi tham nhũng gây ra hậu quả nghiêm trọng cho nhà nước, vượt ra khỏi các chuẩn mực, giá trị và các quy tắc, thiết chế xã hội và quy định pháp luật.

Dưới góc độ pháp luật, hành vi tham nhũng là hành vi sai lệch chuẩn mực pháp luật, theo Luật phòng, chống tham nhũng năm 2018, tham nhũng là những hành vi của người có chức vụ, quyền hạn đã lợi dụng chức vụ, quyền hạn đó vì vụ lợi. Tham nhũng làm chậm sự

phát triển kinh tế-xã hội, làm giảm lòng tin của nhân dân vào nhà nước và đến chừng mực nào đó gây mất ổn định chính trị, kinh tế, xã hội và làm nhiễu loạn văn hóa.

Các lý thuyết kinh điển về sai lệch xã hội, đặc biệt là quan niệm “vô chuẩn” (anomie) của Durkheim, “cấu trúc - căng thẳng” của Merton và cách tiếp cận của Giddens, Bilton hay Nguyễn Đình Tấn, đều cho thấy hành vi tham nhũng không chỉ là vi phạm pháp luật, mà là biểu hiện của sự rạn nứt trong hệ thống giá trị và chuẩn mực xã hội. Việc nhìn nhận tham nhũng như một dạng lệch chuẩn xã hội mang tính cấu trúc giúp lý giải sâu hơn căn nguyên xã hội của hiện tượng này, đồng thời mở ra hướng tiếp cận liên ngành giữa xã hội học và pháp luật trong nghiên cứu, phòng ngừa và kiểm soát tham nhũng ở Việt Nam.

3. Thực tiễn tham nhũng ở Việt Nam

3.1. Tham nhũng là sai lệch chuẩn mực pháp luật

Tình hình tội phạm tham nhũng, chức vụ và kinh tế ở Việt Nam trong thập niên qua diễn biến ngày càng phức tạp, có xu hướng gia tăng cả về quy mô lẫn mức độ tổ chức. Theo Nguyễn Phú Trọng (2023), trong giai đoạn 2012-2022 có hơn 2.700 tổ chức đảng và gần 168.000 cán bộ, đảng viên bị kỷ luật, trong đó hơn 190 người thuộc diện Trung ương quản lý. Những con số này cho thấy tham nhũng không còn là hiện tượng cá biệt mà là lệch chuẩn mang tính cấu trúc, khi hành vi sai phạm xuất hiện ngay trong nhóm nắm quyền định chế hóa chuẩn mực pháp luật.

Dưới góc nhìn của Durkheim (1984), đây là biểu hiện của trạng thái vô chuẩn (anomie), khi các quy tắc xã hội vốn có chức năng điều tiết hành vi bị suy yếu do biến đổi trong cấu trúc quyền lực và lợi ích. Khi chuẩn mực công vụ bị xói mòn, hành vi lợi dụng chức vụ để trục lợi không còn được cảm nhận là lệch chuẩn trong cộng đồng nghề nghiệp. Merton (1938) lý giải hiện tượng này bằng Lý thuyết căng thẳng (Strain Theory): xã hội đề cao thành công và địa vị, nhưng phương tiện hợp pháp để đạt được mục tiêu đó lại hạn chế. Cá nhân trong bộ máy hành chính - vốn chịu áp lực về thành tích và nhu cầu vật chất - để tìm đến “con đường tắt”, tức là hành vi tham nhũng, như một dạng thích ứng lệch chuẩn.

Trường hợp vụ án Công ty Việt Á (2021-2022) minh chứng cho dạng lệch chuẩn pháp luật-cấu trúc này. Hệ thống y tế công, dưới áp lực dịch bệnh và kỳ vọng xã hội, đã hình thành “chuẩn ngầm” cho phép nói lỏng quy trình, hợp thức hóa lợi ích nhóm. Hành vi nâng khống giá kit xét nghiệm, chia hoa hồng cho cán bộ quản lý và hợp lý hóa chi phí được xem như “điều bình thường”. Dưới lăng kính của Merton, đây chính là biểu hiện của căng thẳng giữa mục tiêu (cứu dịch, duy trì lợi nhuận, giữ vị thế) và phương tiện hợp pháp (đấu thầu minh bạch, kiểm định độc lập) - từ đó dẫn tới thích ứng lệch chuẩn có tổ chức. Việc hàng loạt cán bộ ở trung ương và địa phương bị xử lý cho thấy mức độ lan tỏa cấu trúc của lệch chuẩn, trong khi tỷ lệ thu hồi tài sản tham nhũng vẫn còn thấp phản ánh sự yếu kém của cơ chế kiểm soát xã hội chính thức (Hirschi, 1969).

3.2. Tham nhũng là sai lệch chuẩn mực văn hóa, phong tục - tập quán

Văn hoá là hệ thống chuẩn mực và giá trị xã hội định hướng hành vi của con người trong cộng đồng. Dưới góc độ xã hội học, tham nhũng là hành vi lệch chuẩn, không còn phù hợp với những giá trị và chuẩn mực đang được xã hội thừa nhận. Hành vi tham nhũng là hành vi đi ngược lại những chuẩn mực mà dư luận xã hội và tập thể mong đợi, là sự vi phạm các quy tắc đạo đức, văn hoá và chuẩn mực giá trị xã hội (Durkheim, 1984).

Việc xây dựng “văn hóa liêm chính”, chú trọng tu dưỡng, rèn luyện đạo đức nghề nghiệp cho mỗi cán bộ, đảng viên là giải pháp cơ bản và lâu dài. Đây chính là gốc rễ, nền tảng để xây dựng Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh toàn diện. Nghị quyết Trung ương 9 khóa XI khẳng định: “Văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, là mục tiêu, động lực phát triển bền vững đất nước”. Như vậy, văn hóa liêm chính không chỉ là phẩm chất cá nhân mà còn là cơ chế duy trì trật tự xã hội và củng cố tính chính danh của quyền lực công (Giddens, 1972).

Tham nhũng là hành vi lệch chuẩn - phản văn hoá, đi ngược lại với những giá trị tốt đẹp của chân-thiện-mỹ. Hành vi này thể hiện sự lợi dụng quyền lực, địa vị xã hội và uy tín của tổ chức, cơ quan, đoàn thể để trục lợi bất chính cho cá nhân. Đây là hành vi phản văn hoá, trái với tinh thần của cộng đồng và dân tộc trong quá trình phấn đấu vì một xã hội văn minh, phát triển và tiến bộ.

Vụ án Việt Á cũng cho thấy sự đứt gãy chuẩn mực văn hoá công vụ. Trong bối cảnh khủng hoảng y tế do đại dịch, áp lực thành tích và tinh thần “phục vụ nhân dân” bị bóp méo bởi lợi ích vật chất. Hành vi nâng giá, thông đồng và chia chác lợi nhuận được biện minh bằng danh nghĩa “vì nhiệm vụ cấp bách”, cho thấy chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp đã bị thay thế bằng chuẩn mực lợi ích nhóm. Dưới góc nhìn của Durkheim, đây là biểu hiện của trạng thái vô chuẩn, khi các giá trị văn hoá vốn duy trì đoàn kết xã hội bị tan rã. Theo Giddens (1972), chuẩn mực xã hội có thể bị “tái cấu trúc” để thích ứng với lợi ích nhóm. Vụ Việt Á minh chứng cho quá trình ấy: khi hành vi sai trái được bình thường hoá, xã hội rơi vào khủng hoảng giá trị liêm chính.

3.3. Tham nhũng là sai lệch chuẩn mực chính trị

Chuẩn mực chính trị điều chỉnh mối quan hệ quyền lực giữa các chủ thể trong hệ thống xã hội (Ngô Văn Nhân & Cao Minh Công, 2015). Khi quyền lực bị sử dụng sai mục đích, chuẩn mực chính trị bị phá vỡ, dẫn đến mất cân bằng cấu trúc quyền lực - kiểm soát. Trong vụ Việt Á, sự thông đồng giữa cơ quan quản lý, đơn vị cấp phép và doanh nghiệp tư nhân minh họa rõ hiện tượng tổ chức hóa lệch chuẩn chính trị. Các nhóm lợi ích hình thành mạng lưới khép kín giữa quyền lực - vốn - thông tin, qua đó biến chuẩn mực công vụ thành công cụ phục vụ lợi ích riêng. Dưới lăng kính của Giddens (1972), đây là dạng tái cấu trúc hành vi quyền lực, khi thiết chế chính trị không còn điều chỉnh cá nhân mà chính cá nhân sử dụng thiết chế để đạt mục tiêu riêng. Đó cũng là biểu hiện của “anomie chính trị”, khi niềm tin công chúng vào cơ quan công quyền suy giảm, còn các chuẩn mực liêm chính và trách nhiệm chính trị bị thay thế bằng chuẩn mực thực dụng - cơ hội.

3.4. Tham nhũng là sai lệch chuẩn mực đạo đức

Tham nhũng là biểu hiện rõ rệt của khủng hoảng đạo đức công vụ. Các vụ án như Việt Á, Tân Hoàng Minh hay Cục Lãnh sự cho thấy sự suy thoái đạo đức trong nhóm có quyền lực, nơi lợi ích cá nhân được đặt lên trên lợi ích cộng đồng. Dưới góc nhìn của Durkheim (1984), đây là hệ quả của sự mất đồng thuận về giá trị - nền tảng của trật tự xã hội. Merton (1938) xem đây là kết quả của căng thẳng cấu trúc, khi cá nhân đánh đổi liêm chính để duy trì vị thế. Becker (1963) cho rằng xã hội chỉ gán nhãn lệch chuẩn sau khi hành vi bị phát hiện và trừng phạt; trước đó, hệ thống đã hợp thức hóa nó bằng những lý do đạo đức giả như “vì tập thể” hay “vì công việc”. Sự chệnh lệch trong gán nhãn khiến hành vi tham nhũng được duy trì dai dẳng. Theo Hirschi (1969), nguyên nhân sâu xa là sự suy yếu

của mỗi gắn kết xã hội: khi cá nhân không còn cảm thấy ràng buộc với giá trị cộng đồng, kiểm soát xã hội phi chính thức mất tác dụng.

Thực tiễn cho thấy, tham nhũng ở Việt Nam là hiện tượng lệch chuẩn đa tầng: pháp luật, văn hóa, chính trị và đạo đức đều cùng suy yếu trong việc kiểm soát hành vi. Các lý thuyết xã hội học kinh điển, bao gồm Lý thuyết vô chuẩn (Durkheim, 1984), Lý thuyết căng thẳng (Merton, 1938), Lý thuyết tái cấu trúc (Giddens, 1972), Lý thuyết gắn nhãn (Becker, 1963) và Lý thuyết kiểm soát xã hội (Hirschi, 1969), cung cấp khung lý giải toàn diện: tham nhũng không chỉ là vi phạm pháp lý mà là biểu hiện của khủng hoảng giá trị xã hội. Hành vi điển hình như vụ Việt Á cho thấy sự giao thoa giữa cấu trúc quyền lực, áp lực thành tích, chuẩn mực văn hóa và kiểm soát xã hội - minh chứng rằng chỉ khi xây dựng lại hệ giá trị liêm chính và tái lập đồng thuận xã hội, công tác phòng chống tham nhũng mới đạt được tính bền vững và nhân văn.

4. Các yếu tố ảnh hưởng tới hành vi tham nhũng

Từ góc nhìn xã hội học, tham nhũng không chỉ là hành vi vi phạm pháp luật, mà còn là hệ quả của sự rạn nứt trong cấu trúc giá trị, chuẩn mực và cơ chế kiểm soát xã hội. Các quan điểm về sai lệch xã hội của một số học giả như Durkheim (1893), Giddens (1972), Merton (1938), Bilton hay Nguyễn Đình Tấn (2017) cho thấy hành vi lệch chuẩn phát sinh khi hệ thống xã hội mất khả năng điều tiết, khi chuẩn mực đạo đức và pháp luật bị suy yếu, và khi cá nhân tìm cách thích ứng với căng thẳng, mâu thuẫn giá trị. Trong bối cảnh đó, các yếu tố ảnh hưởng đến hành vi tham nhũng ở Việt Nam có thể được lý giải như sau:

4.1. Trạng thái vô chuẩn và sự bất toàn của thiết chế pháp luật

Theo Durkheim (1893/1984), khi xã hội rơi vào trạng thái vô chuẩn (anomie), các quy tắc đạo đức và pháp luật mất dần khả năng định hướng hành vi, khiến ranh giới giữa đúng và sai trở nên mờ nhạt. Ở Việt Nam, hiện tượng này có thể quan sát được qua sự thiếu đồng bộ trong việc thực thi và duy trì các chuẩn mực pháp lý-xã hội. Mặc dù hệ thống pháp luật đã được xây dựng ngày càng hoàn thiện, song trong thực tiễn vẫn tồn tại khoảng cách giữa quy định và hành động, giữa ý chí pháp luật và hành vi xã hội. Sự thiếu thống nhất trong nhận thức, áp dụng và tuân thủ quy định đôi khi làm suy giảm hiệu lực định hướng của pháp luật, khiến cho các hành vi sai lệch có cơ hội hình thành và lan tỏa trong môi trường xã hội.

Dưới góc độ xã hội học, có thể xem đây là biểu hiện của quá trình “lệch chuẩn cấu trúc”, khi các thiết chế pháp lý chưa thực sự tạo được sự gắn kết chặt chẽ với đời sống xã hội. Pháp luật trong trường hợp này không chỉ là công cụ điều chỉnh hành vi mà còn phản ánh mức độ phát triển của văn hóa tuân thủ và ý thức pháp quyền trong cộng đồng. Khi cơ chế khuyến khích hành vi đúng chuẩn chưa được củng cố song song với chế tài xử lý sai phạm, cá nhân dễ có xu hướng lựa chọn cách thích ứng linh hoạt, thậm chí lệch chuẩn, để đạt được mục tiêu của mình.

Theo Giddens (1972), trong quá trình tương tác giữa cấu trúc và hành động, nếu cấu trúc xã hội (ở đây là hệ thống pháp lý và quản trị) không kịp thời điều chỉnh, nó sẽ tạo ra những “khoảng trống chuẩn mực”, nơi con người hành động dựa trên lợi ích cục bộ thay vì giá trị chung. Ở Việt Nam, những khoảng trống như vậy thường xuất hiện trong các lĩnh vực có sự giao thoa giữa quyền lực, trách nhiệm và lợi ích vật chất - những nơi mà sự định hướng hành vi của chuẩn mực pháp luật dễ bị pha loãng bởi yếu tố quan hệ xã hội.

Vi vậy, việc củng cố vai trò xã hội của pháp luật cần được nhìn nhận như một quá trình xã hội hóa bền vững, chứ không chỉ là hoàn thiện văn bản quy phạm. Khi cá nhân hiểu, tin tưởng và tự nguyện tuân thủ các chuẩn mực pháp lý, thì pháp luật mới thật sự trở thành “ý thức tập thể”, có khả năng duy trì trật tự và đoàn kết xã hội - đúng như Durkheim đã chỉ ra. Tăng cường tính phổ biến của giáo dục pháp luật, nâng cao đạo đức công vụ, và xây dựng văn hóa tôn trọng quy tắc chung là những yếu tố quan trọng để phục hồi sự cân bằng giữa pháp luật và hành vi xã hội, qua đó giảm thiểu nguy cơ lệch chuẩn và củng cố niềm tin xã hội đối với các thiết chế chính thức.

4.2. Căng thẳng cấu trúc và mâu thuẫn giữa mục tiêu - phương tiện

Merton (1938) cho rằng lịch chuẩn phát sinh khi xã hội đề cao các mục tiêu như giàu có, thành công, quyền lực, nhưng không đảm bảo phương tiện hợp pháp để đạt được chúng. Theo Merton (1938), lịch chuẩn xuất hiện khi xã hội đề cao các mục tiêu như thành công, quyền lực và giàu có, nhưng lại không bảo đảm đầy đủ các phương tiện hợp pháp để đạt được chúng. Khi tồn tại sự chênh lệch giữa mục tiêu xã hội và khả năng tiếp cận phương tiện chuẩn mực, cá nhân buộc phải lựa chọn cách thích ứng khác nhau, trong đó “sáng tạo lệch chuẩn” (innovation) là hình thức phổ biến nhất: con người chấp nhận mục tiêu chung nhưng sử dụng phương tiện phi chuẩn để đạt được nó.

Một ví dụ điển hình có thể thấy trong các vụ án liên quan đến lĩnh vực quản lý, đấu thầu và tài chính công, như vụ công ty Việt Á (2021-2022). Hành vi nâng khống giá, thông đồng trong xét duyệt và chia phần trăm hoa hồng cho thấy việc sử dụng quyền lực công đã được “hợp lý hóa” như một phương tiện đạt được mục tiêu kinh tế hoặc duy trì vị thế trong hệ thống. Theo lăng kính của Merton, đây là minh chứng rõ rệt cho sự căng thẳng cấu trúc: khi phương tiện hợp pháp bị giới hạn bởi cơ chế, thủ tục, và lợi ích cục bộ, cá nhân có thể hợp thức hóa việc vi phạm như một hình thức “sáng tạo” để thỏa mãn mục tiêu được coi là hợp pháp hoặc “chính đáng”.

Dưới góc nhìn xã hội học, đây không chỉ là vi phạm pháp luật mà còn là hành vi thích ứng lệch chuẩn trong một cấu trúc xã hội đầy mâu thuẫn - nơi các giá trị thành công hiện đại được đề cao, nhưng điều kiện xã hội để đạt được chúng một cách chính đáng vẫn còn hạn chế. Khi những “phương tiện phi chuẩn” dần trở nên phổ biến và được dung thứ, xã hội hình thành các “chuẩn ngầm” song song, làm suy yếu ý thức pháp quyền và đạo đức nghề nghiệp trong khu vực công.

Vi vậy, lý thuyết của Merton không chỉ giải thích hiện tượng lệch chuẩn ở bình diện cá nhân, mà còn giúp hiểu được nguồn gốc xã hội của hành vi tham nhũng, bắt nguồn từ sự mâu thuẫn giữa kỳ vọng xã hội và cấu trúc cơ hội. Cách tiếp cận này cho thấy nguyên nhân không chỉ nằm ở yếu tố đạo đức hay cá nhân, mà còn ở sự bất cân xứng trong tổ chức xã hội - một vấn đề cần được điều chỉnh thông qua cải thiện chính sách, điều kiện làm việc và văn hóa công vụ, nhằm tạo ra môi trường mà hành vi tuân thủ trở thành lựa chọn hợp lý và bền vững.

4.3. Văn hóa lệch chuẩn và quá trình hợp lý hóa hành vi tham nhũng

Durkheim (1893/1984) cho rằng khi cộng đồng mất đi sự đồng thuận về giá trị, xã hội sẽ rơi vào trạng thái vô chuẩn (anomie), nơi các hành vi sai lệch dần được dung thứ hoặc “bình thường hóa”. Giddens (1972) phát triển thêm quan điểm này khi cho rằng trong xã hội hiện đại, chuẩn mực có thể bị “tái cấu trúc” để thích ứng với lợi ích nhóm hoặc áp

lực hệ thống. Khi đó, hành vi lệch chuẩn không bị xem là sai trái tuyệt đối mà được hợp lý hóa như một phần “thông lệ xã hội”.

Tại Việt Nam, các khảo sát xã hội học gần đây cho thấy hiện tượng này không phải hiếm. Báo cáo *PAPI 2022* của Chương trình Phát triển Liên Hợp Quốc ghi nhận rằng tỷ lệ người dân cho biết phải chi thêm tiền để tiếp cận một số dịch vụ công cơ bản vẫn duy trì ổn định trong nhiều năm qua, đặc biệt ở các lĩnh vực đất đai và y tế (UNDP, 2022:113). Thực tiễn này phản ánh sự “hợp lý hóa lệch chuẩn”, khi một số hành vi không tuân thủ quy định được xem như biện pháp thích nghi với thực tế xã hội.

Theo Bilton và cộng sự (1993), đây là giai đoạn hành vi lệch chuẩn chuyển từ cá biệt sang phổ biến, khi phản ứng xã hội trở nên thụ động hoặc dung túng. Một khi xã hội không còn phản ứng mạnh mẽ trước các sai lệch nhỏ, chúng có thể hình thành “chuẩn ngầm” tồn tại song song với chuẩn mực chính thức. Ở góc nhìn xã hội học, đây là biểu hiện của quá trình tái cấu trúc chuẩn mực - khi xã hội tạo ra những vùng xám hành vi vừa duy trì trật tự, vừa tiềm ẩn nguy cơ hợp thức hóa sai phạm.

Để khôi phục đồng thuận giá trị, cần củng cố “ý thức tập thể” theo quan niệm của Durkheim - tức là củng cố sự đồng thuận xã hội về liêm chính, minh bạch và trách nhiệm. Khi những giá trị này được lan tỏa sâu rộng, hành vi lệch chuẩn sẽ dần mất đi tính hợp lý xã hội và bị loại trừ khỏi đời sống công vụ.

4.4. Gán nhãn lệch chuẩn và tính bất bình đẳng trong xử lý

Theo quan điểm của Becker (1963) - được Bilton (1993) diễn giải, hành vi chỉ trở thành lệch chuẩn khi xã hội gán cho nó nhãn lệch chuẩn. Becker (1963) cho rằng hành vi không tự thân là lệch chuẩn; nó chỉ trở thành lệch khi xã hội gán cho nó “nhãn lệch” thông qua phản ứng xã hội. Bilton và cộng sự (1993) diễn giải thêm rằng, chuẩn mực xã hội được kiến tạo trong tương tác giữa các nhóm xã hội, nên việc xác định đâu là hành vi đúng hay sai luôn phụ thuộc vào bối cảnh và quyền lực của chủ thể định nghĩa.

Trong bối cảnh Việt Nam, các nghiên cứu gần đây cho thấy việc “gán nhãn” đối với hành vi tham nhũng còn thiếu nhất quán, phản ánh sự phức tạp trong nhận thức xã hội và trong cơ chế kiểm soát quyền lực. Le Dinh Duong và cộng sự (2024), trong bài *Corruption and Anti-Corruption Policies in Current Vietnam*, nhận định rằng ở cấp cơ sở, một số hành vi như tặng quà, biếu xén hoặc chi thêm phí trong giao tiếp hành chính thường được xem là “thông lệ xã hội” hơn là sai phạm đạo đức. Cách nhìn này khiến ranh giới giữa “chuẩn” và “lệch” bị mờ đi, làm giảm hiệu quả của hệ thống giá trị liêm chính trong khu vực công.

Kết quả nghiên cứu của Nguyen Thi Thu Huong & Thanh Nguyen Ngoc (2023) về các yếu tố ảnh hưởng đến kiểm soát tham nhũng trong hành chính công cũng cho thấy sự khác biệt đáng kể trong nhận thức về hành vi sai lệch giữa các nhóm công chức. Những người làm việc trong môi trường có mức độ minh bạch thấp thường đánh giá các “chi phí ngoài quy định” như phần tất yếu để hoàn thành công việc, trong khi những người trong môi trường quản lý nghiêm hơn lại xem đây là hành vi vi phạm. Hiện tượng này minh chứng cho quan điểm của Becker (1963): hành vi chỉ trở nên lệch khi xã hội - hoặc nhóm nắm quyền định nghĩa chuẩn mực - quyết định gán cho nó nhãn lệch chuẩn.

Dưới góc độ xã hội học, sự thiếu nhất quán trong quá trình gán nhãn làm suy yếu tính công bằng và khả năng định hướng của chuẩn mực xã hội. Khi các hành vi lệch chuẩn

không được xử lý đồng đều, cá nhân khó xác định ranh giới giữa hợp pháp và phi pháp, dẫn đến “sự bình thường hóa lệch chuẩn” - hiện tượng mà hành vi sai trái được xã hội dung thứ trong những điều kiện cụ thể. Do đó, để nâng cao hiệu quả phòng, chống tham nhũng, cần hướng tới xây dựng cơ chế phản ứng xã hội thống nhất, bảo đảm mọi hành vi sai lệch đều được đánh giá dựa trên cùng một tiêu chí pháp lý và đạo đức, thay vì phụ thuộc vào vị thế hay quan hệ xã hội của người vi phạm.

Dưới góc nhìn xã hội học, điều này làm suy yếu tính công bằng của chuẩn mực xã hội, khiến cá nhân không còn nhận thức rõ ranh giới giữa hành vi hợp pháp và phi pháp.

4.5. Xung đột vai trò và động cơ cá nhân trong hệ thống giá trị đa tầng

Theo lý thuyết vai trò xã hội, mỗi cá nhân đồng thời đảm nhận nhiều vai trò khác nhau, như công chức, đảng viên, người thân hay thành viên cộng đồng, và khi các vai trò này mâu thuẫn, chuẩn mực hành vi dễ bị phân mảnh. Trong bối cảnh Việt Nam, các nghiên cứu cho thấy hiện tượng xung đột lợi ích trong thực thi công vụ là một dạng cụ thể của xung đột vai trò. Khi vai trò công vụ đòi hỏi tính khách quan, công bằng, nhưng vai trò cá nhân lại chịu ảnh hưởng của quan hệ thân hữu, lợi ích gia đình hay mạng lưới xã hội, cá nhân có thể rơi vào tình thế lưỡng nan giữa “trách nhiệm công” và “nghĩa tình riêng” (Phạm, 2020; Trần, 2020).

Theo Lê Thị Hồng (2024), việc kiểm soát xung đột lợi ích trong hoạt động công vụ là yêu cầu cấp thiết của phòng, chống tham nhũng. Tuy nhiên, thực tế cho thấy các quy định pháp lý như *Luật Phòng, chống tham nhũng 2018* và *Nghị định 59/2019/NĐ-CP* vẫn chưa được thực thi đồng bộ, khiến việc nhận diện và xử lý xung đột lợi ích chưa đạt hiệu quả mong muốn. Điều này phản ánh sự căng thẳng giữa các chuẩn mực hành vi - một dạng “vô chuẩn” theo nghĩa của Durkheim - khi các thiết chế xã hội chưa đủ mạnh để định hướng hành vi cá nhân trong môi trường có nhiều mối quan hệ đan xen.

Tổng kết lại, có thể thấy các yếu tố ảnh hưởng đến hành vi tham nhũng ở Việt Nam đều nằm trong logic của những lý thuyết xã hội học kinh điển về sai lệch. Durkheim và Giddens giải thích trạng thái vô chuẩn, sự rạn nứt giữa luật pháp, đạo đức và lợi ích; Merton chỉ ra mâu thuẫn giữa mục tiêu và phương tiện trong cơ cấu xã hội, tạo áp lực cho hành vi sai lệch; còn Bilton và Becker phân tích cách xã hội phản ứng, gán nhãn và hợp thức hóa hành vi lệch chuẩn, khiến tham nhũng có thể tồn tại dai dẳng trong cấu trúc xã hội. Như vậy, tham nhũng không chỉ là hành vi cá nhân mang tính đạo đức hay pháp lý, mà là vấn đề xã hội mang tính cấu trúc, bắt nguồn từ sự giao thoa phức tạp giữa chuẩn mực xã hội, giá trị văn hóa và cơ chế thể chế - nơi hành vi lệch chuẩn có thể hình thành, được dung dưỡng và tái sản xuất trong hệ thống.

5. Giải pháp hoàn thiện công tác phòng, chống tham nhũng từ góc nhìn xã hội học

Trên cơ sở tiếp cận xã hội học tác giả đề xuất một số nhóm giải pháp không chỉ từ góc độ pháp luật mà còn từ cấu trúc xã hội, chuẩn mực đạo đức và thiết chế kiểm soát xã hội.

Một là, củng cố hệ giá trị và chuẩn mực đạo đức công vụ

Theo Durkheim (1984), xã hội chỉ ổn định khi các chuẩn mực đạo đức đủ mạnh để định hướng hành vi. Thực tiễn Việt Nam cho thấy, sự xuống cấp của đạo đức công vụ và

sự chấp nhận ngầm các hành vi lệch chuẩn. Vì vậy, cần: Tổ chức giáo dục chuẩn mực đạo đức hành chính công một cách có hệ thống, từ tuyển dụng, đào tạo đến đánh giá cán bộ. Xây dựng và thực thi bộ quy tắc đạo đức nghề nghiệp có tính ràng buộc và kiểm tra thường xuyên. Phát huy vai trò của các tổ chức chính trị-xã hội, báo chí và cộng đồng trong duy trì áp lực xã hội đối với hành vi sai lệch.

Hai là, rút ngắn khoảng cách giữa mục tiêu văn hóa và phương tiện hợp pháp

Theo Lý thuyết căng thẳng (Strain Theory) của Merton (1938), hành vi lệch chuẩn xuất hiện khi tồn tại khoảng cách giữa mục tiêu văn hóa (như thành công, thăng tiến, uy tín xã hội) và các phương tiện hợp pháp để đạt được chúng. Trong khu vực công Việt Nam, khoảng cách này thể hiện qua xu hướng chạy theo thành tích hình thức và các chỉ tiêu định lượng, trong khi điều kiện nguồn lực và cơ chế đãi ngộ chưa tương xứng. Những áp lực đó khiến một số cá nhân có thể lựa chọn hành vi sai lệch nhằm đáp ứng kỳ vọng của tổ chức hoặc xã hội.

Do đó, việc minh bạch hóa quy trình bổ nhiệm, cải thiện chế độ đãi ngộ và xây dựng hệ thống khen thưởng-kỷ luật công bằng là cách rút ngắn khoảng cách giữa mục tiêu văn hóa và phương tiện hợp pháp. Khi con đường chính đáng trở nên khả thi và được ghi nhận xứng đáng, áp lực lệch chuẩn sẽ giảm, góp phần củng cố chuẩn mực liêm chính trong công vụ. Cải thiện mức lương, chế độ đãi ngộ hợp lý để giảm động lực lệch chuẩn do nhu cầu kinh tế. Thiết kế cơ chế khen thưởng-kỷ luật công bằng.

Ba là, tăng cường năng lực giám nhận và kiểm soát xã hội

Lý thuyết gán nhãn (Labeling Theory) (Becker, 1963) cho thấy tầm quan trọng của việc xã hội phải gán nhãn đúng và công bằng đối với các hành vi sai lệch. Trong phòng, chống tham nhũng phải xử lý công khai, minh bạch và nhất quán đối với các hành vi tham nhũng ở mọi cấp, không phân biệt vị trí, vai trò, quan hệ. Trong bối cảnh phòng, chống tham nhũng ở Việt Nam, việc gán nhãn đúng và công bằng đối với hành vi sai lệch có ý nghĩa quyết định trong việc củng cố niềm tin xã hội vào thiết chế pháp lý. Khi các vụ việc tham nhũng được xử lý công khai, minh bạch và nhất quán, không phân biệt cấp bậc, chức vụ hay quan hệ, nhãn “tham nhũng” được xác lập như biểu tượng của sai lệch xã hội, có tác dụng răn đe và khẳng định chuẩn mực liêm chính. Ngược lại, nếu quá trình xử lý còn chọn lọc hoặc thiếu minh bạch, xã hội sẽ hình thành “chuẩn ngầm” cho phép dung túng hành vi sai lệch trong những trường hợp đặc biệt, làm suy yếu tính chính danh của các thiết chế kiểm soát quyền lực.

Dưới góc nhìn xã hội học, gán nhãn công bằng không chỉ là yêu cầu pháp lý mà còn là cơ chế tái thiết lập chuẩn mực xã hội. Quá trình này đòi hỏi hệ thống pháp luật phải minh bạch trong định nghĩa hành vi, thống nhất trong tiêu chí xử lý, và công khai trong truyền thông xã hội về kết quả thực thi. Khi đó, phản ứng xã hội trước hành vi tham nhũng sẽ trở nên đồng thuận, giúp hạn chế sự hợp thức hóa sai phạm và tạo ra môi trường xã hội đề cao giá trị liêm chính, công bằng và trách nhiệm công vụ.

Bốn là phát huy hiệu quả kiểm soát xã hội chính thức và phi chính thức

Theo Hirschi (1969), kiểm soát xã hội là điều kiện giữ cho hành vi cá nhân không lệch chuẩn. Do đó, cần tăng cường thanh tra, kiểm tra độc lập và có trách nhiệm giải trình. Cải tiến hệ thống kênh tiếp nhận tố giác tham nhũng ẩn danh, an toàn, khuyến khích người

dân tham gia giám sát. Phát triển thiết chế giám sát cộng đồng, báo chí, tổ chức xã hội, coi đây là hình thức kiểm soát xã hội phi chính thức hiệu quả, bổ sung cho hệ thống kiểm soát nhà nước.

Năm là, củng cố đạo đức nghề nghiệp và kiểm soát xung đột vai trò trong phân công xã hội hiện đại

Theo Durkheim (1893/1984), phân công lao động hữu cơ chỉ duy trì trật tự khi được nâng đỡ bởi nền tảng đạo đức chung. Trong bối cảnh công vụ Việt Nam, sự chòng chéo giữa các vai trò - công chức, đảng viên, người thân, thành viên cộng đồng - dễ dẫn đến xung đột lợi ích và suy thoái đạo đức nghề nghiệp.

Để khắc phục, cần đồng thời: (1) chuẩn hóa trách nhiệm và giới hạn quyền hạn của từng vị trí công vụ, áp dụng cơ chế tự loại trừ khi có khả năng xung đột lợi ích; (2) củng cố đạo đức nghề nghiệp thông qua bộ quy tắc ứng xử, giáo dục liêm chính và hội đồng đạo đức công vụ; (3) tăng cường kiểm soát xã hội cả chính thức lẫn phi chính thức nhằm khôi phục ý thức tập thể và giá trị liêm chính.

Giải pháp này hướng tới việc tái thiết lập nền tảng đạo đức cho sự phân công xã hội hiện đại, giảm thiểu lệch chuẩn và củng cố niềm tin xã hội vào hệ thống công quyền.

Phòng, chống tham nhũng cần được đặt trong một cách tiếp cận xã hội học toàn diện, kết hợp giữa kiểm soát pháp lý với củng cố chuẩn mực xã hội, định hình lại văn hóa hành chính và thiết lập cơ chế giám sát đa chiều. Việc vận dụng các lý thuyết xã hội học không chỉ giúp hiểu sâu hơn về hành vi lệch chuẩn mà còn là nền tảng để xây dựng những giải pháp chính sách mang tính hệ thống, bền vững và nhân văn.

6. Kết luận

Hành vi tham nhũng, nhìn từ góc độ xã hội học, không chỉ là hành vi vi phạm pháp luật, mà còn là sự lệch chuẩn mang tính hệ thống, gắn liền với những biến động trong cấu trúc xã hội, sự suy thoái chuẩn mực đạo đức và sự yếu kém của các thiết chế kiểm soát xã hội.

Thực tiễn tại Việt Nam trong 10 năm qua cho thấy quy mô, tính chất và mức độ lan rộng của hành vi tham nhũng, không chỉ ở trung ương mà cả địa phương, không chỉ ở cấp cao mà cả cấp cơ sở, đây là một hiện tượng xã hội đòi hỏi sự tiếp cận toàn diện và liên ngành.

Các chiến lược chống tham nhũng cần được xây dựng trên cơ sở hiểu biết sâu sắc về động lực xã hội của hành vi lệch chuẩn, thay vì chỉ dựa vào chế tài hành chính hoặc hình sự. Hướng tiếp cận mang tính xã hội học sẽ góp phần hoàn thiện chính sách, xây dựng văn hóa liêm chính và củng cố niềm tin xã hội - nền tảng quan trọng của một nhà nước pháp quyền hiện đại.

Sự gia tăng các biện pháp xử lý tham nhũng và kết quả thu hồi tài sản cho thấy nỗ lực thiết lập lại các rào chắn xã hội đối với hành vi lệch chuẩn dưới góc nhìn xã hội học, các lý thuyết như Lý thuyết vô chuẩn, Lý thuyết căng thẳng xã hội, Lý thuyết gán nhãn xã hội, Lý thuyết kiểm soát xã hội không chỉ lý giải rõ nguyên nhân sâu xa của hành vi tham nhũng, mà còn giúp định hình các hướng tiếp cận chính sách hiệu quả và có chiều sâu hơn trong công tác phòng, chống tham nhũng tại Việt Nam.

Tài liệu tham khảo

- Becker, Howard S. 1963. *Outsiders: Studies in the sociology of deviance*. New York: The Free Press.
- Bilton, Tony, Bonnett, Ken, Jones, Philip, Lawson, Tony, Skinner, David, Stanworth, Michael, & Webster, Andrew. 1993. *Introductory sociology* (3rd ed.). London: Macmillan.
- Bilton, Tony, Bonnett, Ken, Jones, Philip, Stanworth, Michael, Sheard, Kevin, & Webster, Andrew. 1993. *Nhập môn xã hội học* (bản dịch). Hà Nội: Nxb Khoa học Xã hội.
- Bộ Chính trị. 2023. *Báo cáo tổng kết 10 năm công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực giai đoạn 2012-2022* (Báo cáo số 06-BC/TW). Hà Nội.
- Bộ Chính trị. 2024. Quy định số 144-QĐ/TW về chuẩn mực đạo đức cách mạng của cán bộ, đảng viên trong giai đoạn mới (ban hành ngày 9/5/2024). Hà Nội.
- Durkheim, Émile. 1893/1984. *The division of labour in society* (W. D. Halls, Trans.; L. A. Coser, Introduction). New York: Free Press. <https://doi.org/10.1007/978-1-349-17729-5>
- Giddens, Anthony (Ed.). 1972. *Emile Durkheim: Selected writings*. Cambridge: Cambridge University Press. <https://doi.org/10.1017/CBO9780511628085>
- Hirschi, Travis. 1969. *Causes of delinquency*. Berkeley: University of California Press.
- Hirschi, Travis. 2002. *Causes of delinquency* (1st ed.). New York: Routledge. <https://doi.org/10.4324/9781315081649>
- Hồ Chí Minh. 1949. *Thế nào là Càn* [bút danh Lê Quyết Thắng]. *Báo Cứu quốc*, số 1255.
- Le Dinh Duong, Do Thi Thu Ha & Tran Thi Thuy Ha. 2024. Corruption and anti-corruption policies in current Vietnam. *Malque Research Journal*. Retrieved from <https://malque.pub/ojs/index.php/mr/article/download/3439/1926/24385>
- Lê Thị Hồng. 2024. Kiểm soát xung đột lợi ích trong hoạt động công vụ nhằm phòng, chống tham nhũng. *Tạp chí Quản lý Nhà nước*, (339), 44-48. <https://doi.org/10.59394/qlnn.339.2024.838>
- Luật Phòng, chống tham nhũng. 2018. *Luật số 36/2018/QH14*. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.
- Merton, Robert K. 1938. Social structure and anomie. *American Sociological Review*, 3(5), 672-682. <https://doi.org/10.2307/2084686>
- Ngô Văn Nhân, & Cao Minh Công. 2015. *Giáo trình xã hội học pháp luật*. Hà Nội: Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.
- Nguyễn Đình Tấn. 2017. Sai lệch xã hội từ góc độ xã hội học. *Tạp chí Khoa học Xã hội Việt Nam*, 2(111), 45-52.
- Nguyễn Phú Trọng. 2023. *Kiên quyết, kiên trì đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực góp phần xây dựng Đảng và Nhà nước ta ngày càng trong sạch, vững mạnh*. Hà Nội: Nxb Chính trị quốc gia Sự thật.
- Nguyen Thi Thu Huong & Thanh Nguyen Ngoc. 2023. Factors affecting corruption control in public administration: Evidence from Vietnam. *Journal of Law and Sustainable Development*, 11(12), 1-32. Retrieved from <https://www.ssoar.info/ssoar/bitstream/document/88706/>
- Phạm Thu. 2020. Xung đột lợi ích trong hoạt động công vụ. *Tạp chí Khoa học Xã hội Việt Nam*. Retrieved from <https://vjol.info.vn/index.php/khxhvn/article/download/75510/64231/>
- Trần Văn Tùng. 2020. Xung đột lợi ích trong thực thi công vụ ở Việt Nam hiện nay. *Tạp chí Công Thương*. Retrieved from <https://tapchicongthuong.vn/xung-dot-loi-ich-trong-thuc-thi-cong-vu-o-viet-nam-hien-nay-76654.htm>
- United Nations Development Programme (UNDP). 2022. *The Viet Nam Provincial Governance and Public Administration Performance Index (PAPI) 2022*. Ha Noi: UNDP.